

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 09 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Đào T, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Thạch T1, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời gian 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Thạch Thị Đào T và anh Thạch T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Thạch Thị Đào T và anh Thạch T1 tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung tên Thạch Thị Thanh Q, sinh ngày 23/8/2021.

Chị T và anh T1 thỏa thuận quyền nuôi con như sau: Chị Thạch Thị Đào T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Thạch Thị Thanh Q, sinh ngày 23/8/2021.

Anh Thạch T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án đã giải thích Điều 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn nhưng chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- **Về tài sản chung của vợ chồng:** Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- **Về số nợ phải thu, phải trả:** Chị T và anh T1 không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Xét thấy chị Thạch Thị Đào T và anh Thạch T1 là người dân tộc thiểu số đang sống ở ấp S, xã L, và ấp C, xã T cùng huyện C thuộc ấp có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Chị T và anh T1 có đơn xin miễn án phí được Thẩm phán chấp nhận. Căn cứ vào Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, miễn án phí cho chị T và anh T1.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu ngang;
- UBND xã Long Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Tranh